

VAI TRÒ CỦA THIẾT CHẾ CƠ SỞ Ở TÂY NGUYÊN TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NGUYỄN VĂN THẮNG^(*)

Tây Nguyên là vùng đất đa dân tộc, đa văn hóa, hiện nay gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Với diện tích tự nhiên là 54.700 km², Tây Nguyên chiếm 16,8% diện tích cả nước. Đây là địa bàn cư trú của hơn 5 triệu người với 47 tộc người, trong đó có 12 tộc người thiểu số tại chỗ, cư trú ở 719 xã/phường/thị trấn với rất nhiều đặc trưng, sắc thái riêng, đồng bào các tộc người có truyền thống cần cù, sáng tạo, đoàn kết xây dựng quê hương, đất nước trong thời chiến cũng như trong giai đoạn hiện nay.

Thôn, buôn, bon ở Tây Nguyên chính là thiết chế cơ sở, là đại diện của cộng đồng, đảm bảo những hoạt động đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cộng đồng và cá nhân (xem: 2). Do vậy, thôn, buôn, bon ở Tây Nguyên có vị trí rất quan trọng, là cộng đồng dân cư tự quản trong việc bảo đảm an ninh, trật tự nông thôn, là nơi quần tụ của một cộng đồng có chung lợi ích về kinh tế xã hội và đời sống tinh thần, là nơi lưu giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các tộc người. Thôn, buôn, bon đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc giải quyết các công việc trực tiếp với nhân dân, đó là nơi đại diện gần nhất với dân, là cánh

tay nối dài của chính quyền tới nhân dân. Việc thôn, buôn ổn định, đoàn kết, giúp đỡ nhau sẽ tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển.

Tuy nhiên hiện nay, trước đòi hỏi của thực tiễn, ban tự quản cơ sở ở các thôn, buôn, bon Tây Nguyên nói riêng và trên cả nước nói chung ở một số nơi vẫn còn hạn chế. Có nhiều lý do để giải thích cho vấn đề này, trong đó sự yếu kém của các thiết chế cơ sở là nguyên nhân không nhỏ làm ảnh hưởng tới quá trình CNH, HĐH đất nước, uy tín của thể chế mà chúng ta đã, đang và sẽ xây dựng. Vì vậy, vấn đề đặt ra là, làm sao để phát huy được vai trò của các thiết chế cơ sở đáp ứng được những yêu cầu mới, từng bước ổn định và phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo phát huy được những điểm mạnh của thiết chế truyền thống và cập nhật những ưu việt của tiến bộ xã hội đáp ứng tốt nhất nhu cầu chính đáng của nhân dân. Đó là vấn đề quan trọng cần tìm hiểu và giải đáp. Nội dung bài viết này sẽ góp phần trả lời cho vấn đề nêu trên.

^(*) ThS, Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

I. Thực trạng vai trò thiết chế cơ sở hiện nay ở Tây Nguyên

1. Sự chuyển biến các thiết chế ở cơ sở

Như chúng ta đã biết, thiết chế cơ sở ở Tây Nguyên đã có những chuyển biến khác nhau về hình thức và nội dung qua các thời kỳ, từ xã hội truyền thống đến thời kỳ Pháp thuộc sang thời kỳ Mỹ - Ngụy và thời kỳ hiện nay. Từ chỗ vai trò của các thiết chế là rất quan trọng và có tầm ảnh hưởng to lớn tới cộng đồng (thời kỳ trước Pháp thuộc), tới việc các thiết chế bị lợi dụng, khai thác để phục vụ cho mục đích khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, những chủ đất, già làng, thầy xử kiện, chủ bến nước,... đều không còn ảnh hưởng lớn tới cộng đồng của mình nữa, vai trò của họ đã ít nhiều bị mất đi, nhất là ở những vùng trung tâm. Sang thời kỳ Mỹ - Ngụy, vai trò của các thiết chế với cộng đồng một lần nữa bị “tước bỏ”, đặc biệt là trong thời kỳ Mỹ - Diệm, với nhiều chính sách phản động và hà khắc như xoá bỏ toà án phong tục, phủ nhận vai trò của già làng, cải cách điền địa,...

Sau giải phóng, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách để đưa đất nước ra khỏi sự nghèo nàn, lạc hậu, song ở Tây Nguyên, đôi nơi chúng ta vẫn còn chủ quan trong việc xây dựng lại các thiết chế, chưa chú trọng tới vai trò của các thiết chế cơ sở, do vậy, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa phát huy được hiệu quả như mong đợi. Từ những năm 2000 trở lại đây, Nhà nước ta đã thấy được vai trò tích cực của các thiết chế ở cơ sở và đã có nhiều chính sách quan tâm, hỗ trợ. Vì thế, đã có những phản hồi tích cực từ phía cộng đồng và chính bản thân các chủ thể này.

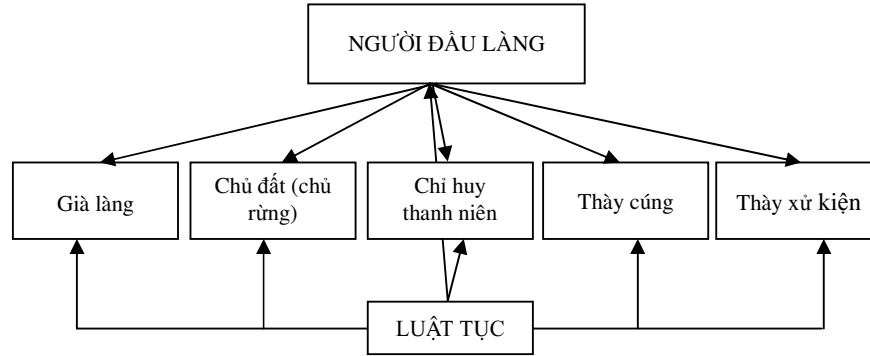
Ở xã hội truyền thống, vai trò của các thiết chế đối với cộng đồng là không thể phủ nhận, tuy nhiên, họ vẫn chịu sự chi phối, tuân thủ các quy định đã ghi

trong luật tục của cộng đồng (xem Hình 1). Khi chuyển sang thể chế mới, các thiết chế xã hội truyền thống Tây Nguyên hoặc không còn phù hợp nên bị mai một, hoặc vai trò bị giảm bớt, hoặc kết hợp với một vị trí mới trong ban tự quản thôn, buôn theo cách gọi mới của chính quyền.

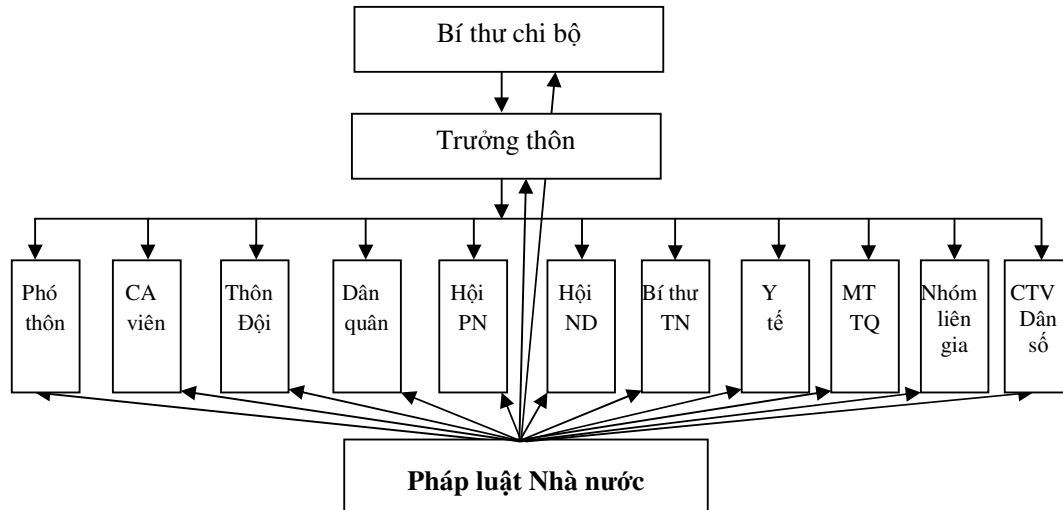
Nhìn vào hình 1 và 2 (xem: 4, tr.37) chúng ta có thể nhận thấy những khác biệt rõ ràng về quy mô của các thiết chế và cách tổ chức hoạt động của các thiết chế, đã có thay đổi cơ bản về những thiết chế nhằm đáp ứng tốt nhất những nhu cầu của đời sống người dân, thực tế đã chứng minh rõ điều đó.

Trước đây, tất cả các thiết chế làm việc là vì cộng đồng của mình, không bao giờ có phụ cấp hay một sự hậu đãi nào khác, già làng, chủ đất, chủ bến nước, thầy cúng, thầy xử kiện,... vẫn là người lao động hàng ngày để mưu sinh. Nhưng sang thời kỳ Pháp thuộc đã có sự chuyển biến, khi làm việc với những người có uy tín trong cộng đồng, người Pháp đã cho họ những vật chất nhất định để mua chuộc qua những món quà. Sang thời Mỹ - Ngụy thì đã có những chuyển đổi lớn, họ mời những người có uy tín trong cộng đồng như già làng, chủ làng,... ra làm những chức sắc để quản lý làng và có chế độ đãi ngộ hẳn hoi. Tại buôn Tơng Jũ, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, trưởng buôn (*khoa buôn*) được hưởng 500đ tiền ngụy (tương đương 2.500.000đ tiền VNĐ thời điểm 2009), các phó trưởng buôn được hưởng 400đ tiền Ngụy (tương đương 2.000.000 VNĐ thời điểm 2009) (xem: 6). Với những ưu đãi về vật chất như vậy, chính quyền Mỹ - Ngụy đã mua chuộc được không ít những người có uy tín trong cộng đồng làm tay sai cho chúng trong hoạt động chính trị và thực hiện các mưu đồ cai trị trên Tây Nguyên Việt Nam.

Hình 1. Thiết chế xã hội truyền thống



Hình 2. Thiết chế xã hội cơ sở hiện nay



Hiện nay, với nhiều ưu đãi Đảng và Nhà nước đã dành một phần kinh phí hỗ trợ đời sống cho các thiết chế này, tuy chưa thể đáp ứng được nhu cầu của cuộc sống nhưng đó là sự hỗ trợ, khích lệ tinh thần làm việc của họ, thể hiện sự quan tâm hơn đối với các thiết chế cơ sở (xem: 4).

2. Chất lượng cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị cơ sở ở Tây Nguyên hiện nay

Đây là một tiêu chí quan trọng nhằm đánh giá năng lực hệ thống chính trị cơ sở, nó phản ánh chất lượng đội ngũ cán bộ tham gia trong hệ thống chính trị và là cơ sở để xác định sức mạnh của hệ thống chính trị cơ sở. Đến

nay, trên địa bàn Tây Nguyên có 3.517 tổ chức cơ sở đảng, với 126.672 đảng viên, trong đó có 2.832 đảng viên là người có đạo^(*). Số đảng viên được phát triển từ đạo Phật là cao nhất, tiếp đến là đạo Thiên Chúa, Tin Lành, Cao Đài và các đạo khác. Tới nay đạo Phật có 1.367 đảng viên, Thiên Chúa 1.118 đảng viên, Tin Lành 288 đảng viên, Cao Đài 46 đảng viên, các đạo khác 13 đảng viên (xem: 8, tr.87). Số đảng viên trên chính là đội ngũ nòng cốt cho các hoạt động của Đảng trong đồng bào có đạo ở các

(*) Số liệu tổng hợp về Chất lượng cán bộ vùng Tây Nguyên do Ban chỉ đạo Tây Nguyên cung cấp.

địa phương, họ luôn là lá cờ đầu trong việc sống tốt đời đẹp đạo.

Số cán bộ đảng viên trên địa bàn Tây Nguyên phân theo từng dân tộc cũng chênh lệch khá nhiều, chủ yếu là tộc người Kinh, còn một số tộc người thiểu số tại chỗ thì có rất ít đảng viên, hoặc không có (xem thêm số liệu tại: 8, tr.89). Tuy nhiên, số đảng viên người Kinh lại sống tập trung ở những trung tâm thành phố, thị xã, thị trấn, ít sống ở những vùng sâu vùng xa. Điều này cũng đang là thách thức cho vấn đề phát triển hài hoà cộng đồng và phát huy tối đa sức mạnh của đội ngũ tiên phong này. Số đảng viên là người thiểu số ở các thôn, buôn chưa nhiều và chưa phát huy tốt vai trò của mình hoặc đôi khi còn đơn độc trong công tác dân chủ ở cơ sở và đấu tranh với những sai trái nảy sinh.

Số cán bộ người dân tộc thiểu số ở cấp xã là 3.992 người chiếm 31,07%; cán bộ nữ 1.086 người (8,45%), cán bộ thôn, buôn (trưởng thôn, buôn, làng, bon) có 6.618 người. Tổng số đảng viên đang công tác và sinh hoạt ở cơ sở xã, phường, thôn, buôn có 45.762 người (chiếm 55,3% đảng viên toàn vùng), nhưng vẫn còn gần 1.360 thôn, buôn chưa có chi bộ, chiếm 33,70%; thôn, buôn, tổ dân phố trắng đảng viên chiếm 8,24% (475 thôn, buôn), trong đó buôn là người dân tộc thiểu số chiếm trên 80%.

Chất lượng cán bộ cơ sở trên địa bàn Tây Nguyên cũng đang là vấn đề cần dành nhiều quan tâm. Hiện trên địa bàn 5 tỉnh, số lượng cán bộ đã qua đào tạo chiếm một tỉ lệ thấp và còn nhiều hạn chế, đặc biệt là số lượng cán bộ đã qua đào tạo về quản lý nhà nước và đào tạo đại học, xét cả về trình độ học vấn ở khối chuyên trách và khối cán bộ công chức (xem: 8).

Về trình độ chuyên môn, số lượng cán bộ được đào tạo cũng chưa nhiều, đặc biệt là đào tạo đại học và sau đại học, và có sự chênh lệch khá lớn giữa các cấp đào tạo từ sơ cấp tới đại học. Đồng thời, số cán bộ chưa qua đào tạo về trình độ lý luận chính trị cũng rất cao, nằm ở cả ba khối cán bộ, khối công chức và khối không chuyên trách. Số cán bộ chưa qua đào tạo về quản lý nhà nước trên địa bàn Tây Nguyên còn cao hơn số cán bộ chưa qua đào tạo về lý luận chính trị. (xem thêm: 8).

3. Vai trò của các thiết chế cơ sở trong đời sống cộng đồng

Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã có những đánh giá toàn diện và đúng mức đối với vai trò của các thiết chế cơ sở ở Tây Nguyên, không phải sau những biến động của khu vực này. Chúng ta đã thấy được vị trí quan trọng của tầng lớp những người có uy tín trong cộng đồng, ví dụ như các già làng, trưởng thôn, và chú trọng hơn trong việc vận dụng vai trò của họ để bảo vệ cộng đồng, giữ ổn định trật tự ở địa phương, phát triển kinh tế xã hội, đoàn kết tộc người, xây dựng đất nước. Tổng số già làng ở Tây Nguyên hiện nay là 3.160 người/6.762 thôn, buôn, bon (9, tr.324).

Với thực tế đã và đang diễn ra, những thay đổi trong không gian sinh tồn ở địa phương, như sự tác động của cơ chế thị trường, tín ngưỡng tôn giáo thay đổi, sự chống phá bằng diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, vấn đề tộc người và quan hệ tộc người, vấn đề sinh kế, môi sinh, cơ chế đối với đồng bào các tộc người tại chỗ,... đã góp phần giúp chúng ta có những cái nhìn khách quan hơn, rõ ràng hơn về vai trò của các thiết chế cơ sở, mà ban tự quản các thôn, buôn đóng vai trò nòng cốt bên cạnh hệ thống chính quyền cấp xã.

Từ những năm đầu thế kỷ XX tới nay, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội miền núi nói chung, Tây Nguyên nói riêng^(*). Những quyết định, chính sách đó đã tác động trực tiếp tới đời sống các tộc người thiểu số theo hướng tích cực, hàng vạn hộ gia đình đã được hưởng lợi, cải thiện đáng kể những khó khăn mà họ đang gặp phải trong đời sống như: không có nhà ở, thiếu đất ở, đất canh tác, đường giao thông, trạm y tế, trường học,...

Về sản xuất kinh tế, vai trò của các thiết chế truyền thống trên Tây Nguyên nói chung không còn đóng vai trò quan trọng (thậm chí, ở một số nơi, thiết chế đã không còn tồn tại). Họ không tham gia toàn diện vào quá trình sản xuất mùa vụ, không còn hướng dẫn dân làng cách trồng trọt, chọn rẫy, phát rẫy, đốt rẫy hay thực hiện các nghi lễ liên quan tới mùa màng nữa, hoặc có cũng rất ít. Thay vào vị trí đó là các cán bộ cấp xã, những người có trình độ chuyên môn để hướng dẫn bà con nhằm đạt kết quả cao hơn trong canh tác. Đây là quy luật khách quan trong sự phát triển của xã hội, khi khoa học kỹ thuật đã được áp dụng thì những kinh nghiệm truyền thống trở nên lạc hậu so với kiến thức

khoa học. Do đó, các thiết chế truyền thống chỉ còn phát huy ở việc “động viên nhân dân tham gia sản xuất, nâng cao đời sống”.

Trong lĩnh vực văn hoá xã hội, vai trò của các thiết chế truyền thống có phần quan trọng hơn, đặc biệt là già làng. Già làng Y Soi Brông nói: “...Văn hoá cha ông có thì bọn trẻ ít biết hơn nên muốn biết cái gì là chúng nó lại hỏi mình, bây giờ cộng thêm cả việc vận động mọi người tham gia xây dựng văn hoá mới, sống tốt, kính Chúa (Già làng Y Soi Brông là tín đồ Tin Lành), nên nhiều khi thấy khó khăn, nhưng vẫn phải làm vì mọi người tin tưởng giao cho mình, Nhà nước tin giao cho mình nên phải cố gắng mà làm thôi”^(*).

Trong các lễ hội văn hoá của thôn, buôn, bon, các già làng vẫn là linh hồn. Họ luôn là những người nắm giữ các khâu then chốt trong lễ hội, là người thay mặt cho thôn, buôn, bon thông quan với thế giới thần linh, cho dù các lễ thức ngày nay đã khác xưa nhiều. Bên cạnh việc trực tiếp “vận động nhân dân thực hiện đời sống văn hoá, xoá bỏ tập tục không phù hợp với thời đại mới, khôi phục và phát huy những thuần phong mỹ tục mang bản sắc văn hoá tốt đẹp của đồng bào”^(**), các Già còn phải tham gia vào các mặt đời sống xã hội khác của buôn mình như: vận động nghĩa vụ quân sự với các thanh niên tới tuổi, vận động nộp thuế, giữ trật tự trị an, tư vấn cho ban tự quản thôn, buôn,...

Trong đời sống xã hội, vai trò của các thiết chế cơ sở nổi bật trong công tác hoà giải. Chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể địa phương đã thấy

(*) Nghị quyết số 10 – NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 18/01/2002 về Phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 – 2010; Quyết định số 132/2002/QĐ – TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về Giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên; Quyết định số 235/QĐ – TTg ngày 05/03/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Một số giải pháp củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên”; Văn kiện Hội nghị lần thứ VII của Ban chấp hành Trung ương khoá IX về công tác dân tộc đã chỉ rõ: “Có chính sách động viên bồi dưỡng hướng dẫn và phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở địa bàn dân cư vùng dân tộc và miền núi”,...

(*) Nội dung cuộc phỏng vấn đã được tác giả biên tập lại theo lời kể của Già làng Y Soi Brông.

(**) Chương trình hoạt động của Hội đồng già làng xã Ea Kao năm 2008.

được uy tín của các già làng với cộng đồng thôn, buôn. Giao cho họ trọng trách “điều hoà các mối quan hệ bị rạn nứt trong cộng đồng”, và họ bằng vị thế và uy tín của mình luôn thực hiện tốt công việc. Từ hoà giải ly hôn, đánh nhau, ăn cắp, lấn chiếm đất đai, tranh chấp các nguồn lợi đến vận động thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong đợt điều tra năm 2008, hầu hết những người được hỏi đều đánh giá trong công tác hoà giải, các già làng hoạt động có hiệu quả chiếm tới 39%, và chỉ có 9% nói là không hiệu quả.

Cũng trong cuộc điều tra trên, nhiều người được hỏi đều đồng ý rằng: cần duy trì vai trò của thiết chế truyền thống ở mỗi buôn, nhưng cần có sự đổi mới cho phù hợp với tình hình hiện nay.

II. Những vấn đề đặt ra và một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò thiết chế cơ sở ở Tây Nguyên

1. Một số vấn đề đặt ra

– Trình độ cán bộ trong các ban tự quản thôn, buôn, bon hiện nay là quá thấp;

– Tỷ lệ đảng viên ở các ban tự quản, chính quyền cơ sở còn ít, đặc biệt là tỷ lệ nữ đảng viên trong các cơ sở đảng, vẫn còn tình trạng không có cơ sở đảng;

– Vấn đề cập nhật thông tin và khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế, đặc biệt là đối với bà con các tộc người dân tộc thiểu số tại chỗ;

2. Giải pháp chung

– Tập trung đào tạo bồi dưỡng về trình độ văn hóa và các kiến thức về quản lý nhà nước, tôn giáo, an ninh, quốc phòng cho đội ngũ cán bộ buôn, bon và đặc biệt là chức danh trưởng thôn, buôn, bon; Đầu tư cơ sở hạ tầng, nâng cao trình

độ dân trí cho đồng bào các thôn, buôn, bon, xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; Kịp thời tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước đến đồng bào các dân tộc nhằm vận động bà con thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách đó; Xây dựng chính sách, chế độ cho cán bộ thôn, buôn, bon phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh và đặc thù của từng địa phương;

– Tiến hành đào tạo về trình độ văn hóa cho cán bộ cấp xã (thuộc thiết chế chính quyền cơ sở), trưởng buôn, bon tối thiểu phải tốt nghiệp trung học phổ thông. Bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước cho cán bộ cấp xã, trưởng buôn, bon và cán bộ không chuyên trách ở buôn, bon; kiến thức về chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay cho cán bộ, trưởng buôn, bon, già làng đang công tác, làm việc, hoạt động ở vùng có đồng bào theo tôn giáo; và kiến thức về quốc phòng và an ninh, các kiến thức về công tác vận động quần chúng;

– Có chính sách cho con em đồng bào đã học xong chương trình phổ thông trung học và phổ thông cơ sở tiếp tục theo học các lớp bồi dưỡng về công tác thanh vận, phụ vận, về quản lý nhà nước hoặc theo học các trường trung học dạy nghề, trung học mầm non hoặc y tế thôn, buôn, bon để lấy nguồn cán bộ là người dân tộc về phục vụ tại các buôn, bon;

3. Giải pháp cụ thể

– Cần tập huấn cho trưởng buôn, bon xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện dân chủ ở cơ sở;

– Tổ chức tuyên truyền cho đồng bào hiểu và nắm rõ các nội dung của

Pháp lệnh Dân chủ ở xã để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;

– Phải xây dựng được quy chế phối hợp làm việc giữa cấp ủy, ban tự quản, mặt trận tổ quốc và các chi hội đoàn thể; phân công rõ trách nhiệm của từng tổ chức trong việc tuyên truyền và vận động đồng bào thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế xã hội để nâng cao đời sống;

– Có sự phối hợp giữa ban tự quản buôn, bon với già làng để nhờ ảnh hưởng của già làng thực hiện công tác tuyên truyền và vận động đồng bào;

– Cần xem xét, điều chỉnh phụ cấp cho cán bộ thôn, buôn, bon, nhất là các chức danh bí thư chi bộ, trưởng buôn, bon và công an viên theo quy định của trung ương với mức phụ cấp bằng hệ số 1 so với mức tiền lương tối thiểu chung;

– Thực hiện công tác kết nghĩa buôn, bon, tiếp tục thực hiện tốt việc kết nghĩa giữa các cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện với các buôn, bon, coi đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của cơ quan đơn vị; thường xuyên cử cán bộ công chức tham gia các hoạt động tại các buôn, bon để sâu sát đồng bào hơn, nắm bắt được tình hình kinh tế xã hội ở từng buôn, bon, giúp đỡ đồng bào sản xuất, xây dựng đời sống văn hóa, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; góp phần xây dựng và củng cố chính quyền cấp xã.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị. Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 18/1/2002 “Về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an

ninh vùng Tây Nguyên 2001-2010” .

2. Theo: *www.dictionary.bachkhoatoan thu.gov.vn*, truy cập ngày 27/08/2010.
3. Khổng Diễn. Góp phần nghiên cứu kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên, trong sách: Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên. H.: Khoa học xã hội, 2002.
4. Bùi Văn Đạo. Tổ chức và hoạt động buôn làng Tây Nguyên trong phát triển bền vững. Đề tài cấp bộ năm 2009.
5. Phạm Hảo. Một số giải pháp góp phần ổn định và phát triển ở Tây Nguyên hiện nay. H.: Chính trị Quốc gia, 2007.
6. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia. Một số vấn đề phát triển kinh tế xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên. H.: Khoa học xã hội, 2002.
7. Nguyễn Văn Thắng. Vai trò của Già làng Ê Đê và một số vấn đề đặt ra (Qua nghiên cứu tại buôn Chứ xã Ea Sol huyện Ea Hleo và buôn Tơng Jũ, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk). Báo cáo tập sự, 2009.
8. Văn phòng Ban chỉ đạo Tây Nguyên. Một số tư liệu về kinh tế-xã hội Tây Nguyên và các huyện miền núi giáp Tây Nguyên, 2009.
9. Nguyễn Hồng Sơn. Vấn đề già làng trong cộng đồng các dân tộc thiểu số với việc giữ vững ổn định chính trị ở Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay, trong sách: Một số giải pháp nhằm góp phần ổn định ở Tây Nguyên hiện nay. H.: Chính trị Quốc gia, 2007.